CÂN BẰNG HÓA HỌC			
PHÀN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí			
sinh chỉ chọn một phương án.			
Câu 1. Phản ứng thuận nghịch là phản ứng			
A. phản ứng xảy ra theo hai chiều ngược nhau trong cùng điều kiện.			
B. xảy ra giữa hai chất khí.			
C. có phương trình hoá học được biểu diễn bằng mũi tên một chiều			
D. chỉ xảy ra theo một chiều nhất định.			
$\mathbf{C\hat{a}u}$ 2. Mối quan hệ giữa tốc độ phản ứng thuận (v_t) và tốc độ phản ứng nghịch (v_n) ở trạng thái cân bằng			
được biểu diễn như thế nào?			
$\mathbf{A} \cdot \mathbf{x} = \mathbf{x} = 0$	$\mathbf{P}_{\mathbf{v}} = 0.5\mathbf{v}$	$C_{xy} = 2y$	$\mathbf{p}_{\mathbf{v}} = \mathbf{v} \neq 0$

A. $v_t = v_n = 0$.

B. $v_t = 0.5v_n$.

Câu 3. Khi một hệ ở trạng thái cân bằng thì trạng thái đó là

A. cân bằng động

B. cân bằng bền.

C. cân bằng tĩnh.

D. cân bằng không bền.

Câu 4. Xét cân bằng sau: $2SO_2(g) + O_2(g) \square 2SO_3(g)$

Nếu tăng nồng độ O₂(g) (các điều kiện khác giữ không đổi), cân bằng sẽ chuyển dịch theo chiều nào?

A. Chuyển dịch theo chiều thuận

B. Có thể chuyển dịch theo chiều thuận hoặc nghịch tùy thuốc vào lượng SO₂ thêm vào

C. Chuyển dịch theo chiều nghịch.

D. Không thay đổi.

Câu 5. Cho cân bằng (trong bình kín) sau: CO (g) + H₂O (g) $\stackrel{\square}{=}$ CO₂ (g) + H₂ (g); $\Delta_r H_{298}^o < 0$. Trong các yếu tố: (1) tăng nhiệt độ; (2) thêm một lượng hơi nước; (3) thêm một lượng H₂; (4) tăng áp suất chung của hệ; (5) dùng chất xúc tác.

Dãy gồm các yếu tố đều làm thay đổi cân bằng của hệ là:

A. (1), (4), (5).

B. (1), (2), (3).

C. (2), (3), (4).

D. (1), (2), (4).

Câu 6. Cho hệ cân bằng trong một bình kín: $N_2(g) + O_2(g) = 2NO(g)$; $\Delta_r H_{298}^o > 0$

Cân bằng trên chuyển dịch theo chiều thuận khi

A. tăng nhiệt đô của hê.

B. thêm khí H₂ vào hê.

C. tăng áp suất chung của hệ.

D. cho chất xúc tác vào hê.

Câu 7. Cho phản ứng hoá học sau: $N_2(g) + 3H_2(g) \square$ $2NH_3(g)$ $\Delta_r H_{298}^{\circ} = -92 \text{ kJ}$

Yếu tố nào sau đây cần tác động để cân bằng trên chuyển dịch sang phải?

A. Tăng nhiệt độ.

B. Thêm chất xúc tác

C. Giảm nồng độ N₂ hoặc H₂

D. Tăng áp suất.

Câu 8. Cho cân bằng hoá học: $2SO_2(g) + O_2(g) = 2SO_3(g)$; phản ứng thuận là phản ứng toả nhiệt. Phát biểu đúng là:

A. Cân bằng chuyển dịch theo chiều thuận khi giảm áp suất hệ phản ứng.

B. Cân bằng chuyển dịch theo chiều nghịch khi giảm nồng đô SO₃.

C. Cân bằng chuyển dịch theo chiều nghịch khi giảm nồng độ O_2 .

D. Cân bằng chuyển dịch theo chiều thuận khi tăng nhiệt độ.

PHÂN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

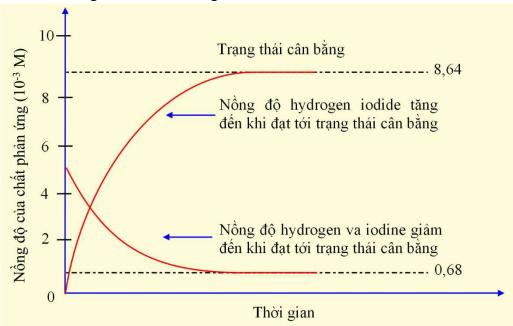
Câu 1. Cho các phát biểu về cân bằng hóa học

a. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng là: Nhiệt độ, nồng độ, áp suất, chất xúc tác, diện tích bề mặt.

- b. Cân bằng hóa học là cân bằng động.
- c. Cân bằng hóa học là trạng thái mà phản ứng đã xảy ra hoàn toàn.
- d. Khi phản ứng thuận nghịch đạt trạng thái cân bằng hóa học, phản ứng dừng lại.
- **Câu 2.** Cho cân bằng: $CH_4(g) + H_2O(g) = CO(g) + 3H_2(g)$. Khi giảm nhiệt độ thì tỉ khối của hỗn hợp khí so với H_2 giảm đi. Phát biểu khi nói về cân bằng này là
 - a. Phản ứng thuận toả nhiệt, cân bằng dịch chuyển theo chiều thuận khi tăng nhiệt độ.
 - b. Phản ứng nghịch toả nhiệt, cân bằng dịch chuyển theo chiều nghịch khi tăng nhiệt độ.
 - c. Phản ứng thuận thu nhiệt, cân bằng dịch chuyển theo chiều thuận khi tăng nhiệt độ.
 - d. Phản ứng nghịch thu nhiệt, cân bằng dịch chuyển theo chiều thuận khi giảm nhiệt độ.

PHẦN III: Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

- **Câu 1.** Nồng độ ban đầu của SO₂ và O₂ tương ứng là 4 M và 2 M. Tính hằng số cân bằng của phản ứng, biết rằng khi đạt trạng thái cân bằng đã có 80% SO₂ đã phản ứng.
- **Câu 2.** Cho 5 mol H_2 và 5 mol I_2 vào bình kín dung tích 1 lít và nung nóng đến $227^{\circ}C$. Đồ thị biểu diễn sự thay đổi nồng độ các chất theo thời gian được cho trong hình sau:



Nồng độ của HI ở trạng thái cân bằng là